TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 38/2017/DS-ST
Ngày: 17/8/2017
V/V tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Đặng Hữu Tiếp**.
2. Bà **Phạm Thị Phượng**.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà **Ngô Lê Quế Thanh** – Cán bộ TAND thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2017/TLST- DS ngày 10 tháng 4 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1961. (có mặt)
Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Ông **Võ Văn H**, sinh năm 1955. (vắng mặt)
Bà **Võ Thị Bé M**, sinh năm 1959. (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 04/4/2017, tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:* Bà Nguyễn Thị Đ có tham gia chơi hụi do phía vợ chồng ông Võ Văn H và bà Võ Thị Bé M làm chủ thảo hụi, dây hụi 01 chỉ vàng 24 K, gồm 20 phần, bà Đ tham gia chơi 01 phần, hụi có lãi và hưởng huê hồng 02 phân vàng 24K/kỳ khui hốt hụi, hụi khui vào ngày 07/5/2011(âm lịch) nhưng danh sách hụi lập trước là vào ngày 07/3/2011(âm lịch), bà Đ đóng được 17 kỳ hụi sống thì phía ông H và bà M ngưng không khui hụi tiếp. Theo bà Đ số vàng vốn mà bà Đ đã đóng cho ông H và bà M mỗi kỳ khui hụi bình quân là 0,6 phân vàng 24K, tổng cộng đóng được 17 kỳ hụi sống với số vàng là 10 chỉ 02 phân vàng 24K, tính ra hụi chết được hưởng là 17 chỉ vàng 24K, nhưng trừ huê hồng 02 phân vàng 24K thì ông H và bà M còn nợ lại là 16 chỉ 08 phân vàng 24K. Nay bà Đ yêu cầu vợ chồng ông H và bà M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đ số vàng vốn đóng nhưng chỉ yêu cầu trả 10 chỉ vàng 24 K và yêu cầu trả 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn ông Võ Văn H và bà Võ Thị Bé M dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gởi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng*: Việc vắng mặt bị đơn ông H, bà M. Xét thấy, bị đơn ông H, bà M đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn ông H, bà M.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Xác định đây là tranh chấp hợp đồng góp hụi.

- *Về yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ:* Yêu cầu vợ chồng ông H và bà M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đ số vàng vốn đóng nhưng chỉ yêu cầu trả 10 chỉ vàng 24 K và yêu cầu trả 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, yêu cầu của phía nguyên đơn bà Đ là có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn bà Đ xác định có tham gia chơi hụi vàng do phía vợ chồng ông H và bà M làm chủ thảo hụi và cho rằng dây hụi đã mãn nhưng đến nay phía ông H và bà M chưa hoàn trả lại số vàng mà bà Đ đã đóng được 17 kỳ hụi sống. Phía bà Đ cũng có cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh là có quan hệ hợp đồng góp hụi với ông H và bà M là giấy cam kết mượn vốn vàng ghi ngày 07/03/2011 (âm lịch) và có viết thêm phần lưu ý viết vào ngày 07/5/2011. Đối với phía ông H và bà M dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến và không có ý kiến gởi cho Tòa án. Cho thấy, phía bị đơn ông H và bà M đã biết được số vàng nợ hụi mà phía nguyên đơn bà Đ đã khởi kiện để yêu cầu phía bị đơn ông H và bà M phải có nghĩa vụ trả, nhưng phía bị đơn ông H và bà M đã từ bỏ nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh là mình có nợ số vàng đối với yêu cầu của phía nguyên đơn hay không, đều này cũng đồng nghĩa là phía bị đơn đã thừa nhận số vàng mà phía nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu phía bị đơn trả, nên không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh. Việc bị đơn cố tình không đến là nhằm kéo dài thời gian trả nợ và gây khó khăn cho việc thu hồi nợ đối với phía nguyên đơn. Đối với phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn và phía nguyên đơn chỉ yêu cầu phía bị đơn trả lại vốn đóng là 10 chỉ vàng 24K là có lợi cho phía bị đơn, cho nên cần buộc ông H và bà M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho phía bà Đ số vàng vốn nợ hụi là 10 chỉ vàng 24 K và trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự; các Điều 17, 19, 21, 22, 24, 26, 27, 28, 29 và 31 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

- *Về án phí:* Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đ, nên phía bị đơn ông H và bà M phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí. Cụ thể ông H và bà M phải chịu án phí trên số vàng phải trả cho bà Đ là 10

chỉ vàng 24 K. Theo bà Đ vàng 24K mà hai bên giao dịch chơi hụi tại thời điểm xét xử hiện nay giá là 3.380.000/chỉ, nên ông H và bà M phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.690.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 17, 19, 21, 22, 24, 26, 27, 28,29 và 31 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí.

Tuyên xử

1. Về dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc ông Võ Văn H và bà Võ Thị Bé M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Đ số vàng vốn nợ hụi là 10 chỉ vàng 24 K và trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

Buộc ông Võ Văn H và bà Võ Thị Bé M phải có nghĩa liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.690.000 đồng.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Đ 1.441.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, mà bà Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000680 ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Võ Văn H và bà Võ Thị Bé M thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- CCTHADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thanh Sơn